

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS
GENESIS FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024
Ha Noi, 12 Apr 2024

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission of Vietnam
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

1 Tên Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis Genesis Fund Management Joint Stock Company
2 Tên ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Shinhan Bank Vietnam Limited
3 Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ đầu tư gia tăng giá trị GFM GFM Value Increase Fund
4 Mã Quỹ: Fund name:	GFM-VIF GFM-VIF
5 Kỳ báo cáo Reporting period:	Từ ngày 05 tháng 04 năm 2024 đến ngày 11 tháng 04 năm 2024 From 05 Apr 2024 to 11 Apr 2024
6 Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	12/04/2024 12-Apr-2024

Đơn vị tính/ Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 11/04/2024	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 04/04/2024
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị đầu kỳ At the beginning of period (*)		
1.1	của quỹ/ per Fund	49,786,815,837	50,166,065,900
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	N/A	N/A
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	9,920.00	10,000.00
2	Giá trị cuối kỳ At the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	49,696,240,910	49,786,815,837
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	N/A	N/A
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	9,908.54	9,920.00
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund Certificate during period, of which:		
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to fund's investment during the period	-57,618,251.00	-401,404,792.00
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	-32,956,676.00	22,154,729.00
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value due to distribute the profit to investors during the period	0.00	0.00
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of NAV per fund unit in comparison with last period	-11.46	-80.00
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	50,166,065,900	50,166,065,900
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	49,257,178,629	49,786,815,837
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) Foreigner ownership ratio (not applicable to listed fund)		
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of fund certificate	1,370,000.00	1,370,000.00
6.2	Tổng giá trị/ Total value	13,574,699,800	13,590,400,000
6.3	Tỷ lệ sở hữu/ Ratio	27.32%	27.30%
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ (không áp dụng đối với quỹ mở) Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date) (not applicable to open ended fund)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	-	-
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	-	-
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison with the last period	-	-
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	-	-
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))	-	-
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	-	-
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	-	-

(*) Giá trị đầu kỳ tại ngày 04/04/2024 là vốn điều lệ của Quỹ và Giá phát hành lần đầu (IPO)

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Shinhan Bank Vietnam Limited
Hwang Younhwan

Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán
Director of Securities Services Department

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis
Genesis Fund Management Joint Stock Company
Vũ Quang Vịnh

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairman